

Bản án số: 34/2021/DS-PT
Ngày 10/12/2021
V/v Tranh chấp bồi thường thiệt
hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm hại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Việt Nam

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Luật

Bà Nguyễn Thị Thu Hà

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Minh Thành - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:* Ông Lê Xuân An - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2021/TLPT-DS ngày 26 tháng 10 năm 2021, về việc "Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm hại" do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Lê Văn H, sinh năm 1959; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1961; có mặt.

- Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1985; có mặt.

- Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1992; vắng mặt.

Đều cư trú: Thôn L, xã Tr, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn L, xã Tr, huyện T, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N – Luật sư, Văn phòng Luật sư Trần và Cộng sự.

Địa chỉ: 117B, H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

2. Bị đơn:

Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

Địa chỉ: Thôn L, xã Tr, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm 1976 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tr; có mặt.

3. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Ph, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn L, xã Tr, huyện T, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- Ông Lê Đình L, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn L, xã Tr, huyện T, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- Ông Lê Công Ph, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn L, xã Tr, huyện T, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- Ông Lê Gia H, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn L, xã Tr, huyện T, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- Ông Nguyễn Đức P, sinh năm 1945; nơi cư trú: Thôn L, xã Tr, huyện T, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Ng, anh Lê Văn Đ, chị Nguyễn Thị Y là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T và các tài liệu có tại hồ sơ cũng như lời trình bày của các bên đương sự, vụ án có nội dung như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/02/2021 và tại phiên tòa, các nguyên đơn ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Ng, anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị Y trình bày:

Năm 2000, gia đình ông H mở trang trại nuôi vịt sinh sản, ấp trứng và xuất bán vịt giống thương phẩm ra thị trường. Trang trại có quy mô nuôi 1000 con vịt sinh sản, 03 máy ấp trứng, mỗi ngày cung cấp khoảng 800 con vịt giống thương phẩm. Trang trại có diện tích 1500m² nằm trong khuôn viên thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông H giáp với vùng rú hoang của thôn L, xã Tr. Năm 2015, Ủy ban nhân dân huyện T hỗ trợ 30.000.000 đồng để mua thêm máy ấp trứng và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chí kinh tế trang trại.

Công việc làm ăn đang thuận lợi thì không biết lý do gì, ngày 25/11/2015, đoàn kiểm tra liên ngành của Ủy ban nhân dân xã Tr (viết tắt là Ủy ban xã) do trưởng trạm y tế xã làm trưởng đoàn tiến hành kiểm tra đột xuất trang trại chăn nuôi của gia đình ông H nhưng không phát hiện mùi hôi và ô nhiễm môi trường. Sau lần kiểm tra đầu tiên, Ủy ban xã liên tục kiểm tra đột xuất nhưng không phát hiện mùi hôi và ô nhiễm môi trường nên không lập biên bản. Ngày 18/12/2015, Ủy ban xã tổ chức cuộc họp có mời gia đình ông H tham dự. Tại cuộc họp, Ủy ban xã buộc gia

đình ông H phải di dời trang trại ra khỏi khu dân cư, gia đình ông H đồng ý thực hiện làm đơn gửi thôn và Ủy ban xã xin thuê đất vị trí liền kề ranh giới khu đất ông Hưởng, diện tích 2,1ha, thuộc rừng phòng hộ Khu kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng Trị được Chính phủ phê duyệt tầm nhìn 2035-2050. Tuy nhiên, từ năm 2016 đến 2021 Ủy ban xã không giải quyết được đất theo đơn đề nghị của ông H để di dời mà giải quyết trái pháp luật đó là: Ủy ban xã chỉ đất để gia đình ông H di dời đàn vịt vào sát trại heo ông Hưởng thuộc dự án KOIKA, như vậy là dự án chồng lên dự án gây hậu quả xảy ra khôn lường. Ngày 05/4/2018, Ủy ban xã ban hành công văn số 06/UBND đề nghị gia đình ông H thực hiện di dời vịt ra khỏi địa bàn khu dân cư trước ngày 16/4/2018. Nếu không di dời, Ủy ban nhân dân xã sẽ xử lý theo quy định định của pháp luật. Đây là công văn ban hành trái pháp luật dẫn đến gia đình ông H phải dừng tất cả các hoạt động chăn nuôi kể từ ngày 07/4/2018 đến ngày 07/6/2019 là 01 năm 02 tháng, gây thiệt hại đến kinh tế của gia đình. Do đó ông H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết buộc Ủy ban nhân dân xã Tr phải bồi thường cho gia đình ông H số tiền là 2.129.652.400 đồng (hai tỷ một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn bốn trăm đồng), trong đó:

1. Thiệt hại do tài sản bị xâm phạm kể từ ngày 07/4/2018 đến 07/6/2019 là 30.000.000 đồng gồm:

- 03 máy ấp trứng và toàn bộ trang trại phải dừng hoạt động;

- Tài sản không sử dụng phải sửa chữa khắc phục là 26.250.000 đồng gồm: Nhiệt kế điện: 03 cái x 1.200.000 đồng = 3.600.000 đồng; máy đảo: 03 cái x 1.500.000 đồng = 4.500.000 đồng; máy điều khiển nhiệt: 03 cái x 1.200.000 đồng = 3.600.000 đồng; mô tô đảo: 03 cái x 1.000.000 đồng = 3.000.000 đồng; mô tơ quạt: 03 cái x 1.000.000 đồng = 3.000.000 đồng; 02 khay nước làm mát: 06 cái x 250.000 đồng = 1.500.000 đồng; 02 sợi dây cu roa (01 sợi đảo, 01 sợi quạt): 06 cái x 125.000 đồng = 750.000 đồng; còi báo tự động: 03 cái x 100.000 đồng = 300.000 đồng; toàn bộ bi trực: 03 cái x 1000.000 đồng = 3000.000 đồng; khay trứng (bình quân 01 máy 10 khay trứng): 30 cái x 100.000 đồng = 3.000.000 đồng.

- 02 quạt trần: 300.000 đồng;

- Máy phát điện là 2.750.000 đồng gồm: sửa chữa máy nổ 500.000 đồng; mô tơ phát điện 550.000 đồng; áp tô mát 03 pha 1.200.000 đồng và hệ thống máy bơm nước 500.000 đồng.

- Chuồng trại: sửa, thay tôn 700.000 đồng.

2. Thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất từ ngày 07/4/2018 đến ngày 07/6/2019 là 2.917.052.400 đồng (hai tỷ chín trăm mười bảy triệu không trăm năm mươi hai ngàn bốn trăm đồng), gồm:

a. Ấp trứng và bán vịt con là 2.683.052.400 đồng (*tính lợi nhuận bình quân 03 tháng (tháng 01, 02 và 3/2018) trước khi thiệt hại xảy ra làm căn cứ yêu cầu là 191.646.600 đồng*) là $191.646.600 \times 14 \text{ tháng} = 2.683.052.400 \text{ đồng}$.

b. Bán trứng vịt thải loại là: $200.000 \text{ đồng/ngày} \times 30 \text{ ngày} \times 14 \text{ tháng} = 84.000.000 \text{ đồng}$ (vịt đẻ 01 ngày 800 trứng, ấp nở khoảng 700 con, còn 100 trứng loại soi được 50 quả trong suốt, 50 quả đục và mỏ) gồm:

+ Trứng thải loại trong suốt: $3.000 \text{ đồng/quả} \times 50 \text{ quả/ngày} = 150.000 \text{ đồng/ngày}$.

+ Trứng thải loại đục và mỏ: $1000 \text{ đồng/quả} \times 50 \text{ quả/ngày} = 50.000 \text{ đồng/ngày}$.

c. Bán vịt đẻ do không có nơi di chuyển với thiệt hại là: $150.000 \text{ đồng/con} \times 1000 \text{ con} = 150.000.000 \text{ đồng}$ (giá vịt tại thời điểm gây thiệt hại là 250.000 đồng/con; thực tế đã bán là 100.000 đồng/con).

Tổng thu: 2.917.052.400 đồng (hai tỷ chín trăm mười bảy triệu không trăm năm mươi hai ngàn bốn trăm đồng).

Sau khi trừ đi số tiền chi phí thực tế là: 848.400.000 đồng (tám trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng), gồm:

- Chi bột ăn: $320.000 \text{ đồng/bao} \times 6 \text{ bao/ngày} \times 14 \text{ tháng} = 806.400.000 \text{ đồng}$ (bột ăn 01 ngày 06 bao; 01 bao là 320.000 đồng).

- Chi tiền điện: $3000 \text{ đồng/tháng} \times 14 \text{ tháng} = 42.000.000 \text{ đồng}$

Còn lại số tiền thiệt hại yêu cầu bồi thường: $2.917.052.400 \text{ đồng} - 848.400.000 \text{ đồng} = 2.068.652.400 \text{ đồng}$ (hai tỷ không trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn bốn trăm đồng).

3. Các chi phí khác là 31.000.000 đồng trong đó:

- Chi phí thuê luật sư vụ việc xảy ra từ ngày 07/4/2018 đến khi kết thúc vụ án là 26.000.000 đồng;

- Chi phí đi lại, photo tài liệu liên quan đến vụ việc là 5.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền các nguyên đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Tr phải bồi thường là 2.129.652.400 đồng (hai tỷ một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn bốn trăm đồng),

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 19/5/2021 và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn Ủy ban nhân dân xã Tr trình bày:

- Về vấn đề ông Lê Văn H chăn nuôi vịt gây ô nhiễm, mùi hôi và tiếng ồn trong khu dân cư: Căn cứ vào 01 đơn khiếu nại của ông Nguyễn Sơn: cư trú ở Đội 3, thôn L, xã Tr, 02 ý kiến đại diện bà con nhân dân ở phe 2 thôn Linh An, 03 ý kiến của công dân cùng xóm, 01 ý kiến của đại diện trưởng thôn Linh An phản ánh về việc chăn nuôi vịt của hộ ông Lê Văn H gây ô nhiễm và tiếng ồn làm ảnh hưởng đến bà con xung quanh. Tại biên bản kỳ họp thứ 7 HĐND xã, khoá XI ngày 29/12/2017,

đại biểu Lê Công B, trưởng thôn L có ý kiến đề nghị Ủy ban nhân dân xã giải quyết việc di chuyển mô hình chăn nuôi của ông H vì đã gây ô nhiễm trong khu dân cư. Việc ông H lấn chiếm đất của phe 2, ông Nguyễn Đức Ph, ông Nguyễn Văn T (thủ giáp phe 2) đều có ý kiến phản ánh gia đình ông H vi phạm đất nghĩa địa, các phe yêu cầu tháo dỡ toàn bộ 73 cọc bê tông và lưới rào B40 bao quanh phần lăng mộ, mồ mả của trong phe. Việc nuôi vịt đã làm đất sạt lở, lấp khe, yêu cầu hộ chăn nuôi đưa cách xa khu dân cư sinh sống. Vấn đề này, Ủy ban nhân dân xã đã nhiều lần tổ chức họp yêu cầu ông Lê Văn H di dời trại chăn nuôi vịt xa khu dân cư để không làm ảnh hưởng đến bà con nhân dân nhưng đã hết thời hạn 02 năm theo thoả thuận kể từ ngày 18/12/2015, ông H vẫn không di dời đàn vịt nên ngày 05/4/2018, Ủy ban nhân dân xã đã ban hành công văn số 06/UBND nhằm đôn đốc thực hiện chứ không mang tính chất là một quyết định cưỡng chế hành chính, không xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông H và cũng không làm phát sinh hậu quả pháp lý khi trại chăn nuôi vịt của ông H chưa được di dời.

- Về vấn đề ông H kê khai bồi thường thiệt hại:

Vịt, trứng vịt và các tài sản khác mà ông H kê khai để yêu cầu Ủy ban xã phải bồi thường thiệt hại thì đây là tài sản và thuộc quyền sở hữu của ông H nên Ủy ban xã không can thiệp vào việc sở hữu của ông H (bán, mua, cho hay các hình thức khác là quyền của ông Hương), ông H cũng không báo cho Ủy ban xã biết nên giá trị tài sản ông H bán thì ông H phải tự chịu trách nhiệm.

Từ những vấn đề nêu trên, Ủy ban xã không có trách nhiệm phải bồi thường khoản tiền 2.129.652.400 đồng (hai tỷ một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn bốn trăm đồng) cho gia đình ông H và đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2021/DS-ST ngày 15/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 14, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Ng, anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị Y về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Tr phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại số tiền là 2.129.652.400 đồng (hai tỷ một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn bốn trăm đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 29/9/2021, ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Ng, anh Lê Văn Đầu, chị Nguyễn Thị Y kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì cho rằng bản án sơ thẩm quyết định không đúng quy định pháp luật, thiếu khách quan trong đánh giá vụ việc.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, thư ký cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến trước khi mở phiên tòa phúc thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các bên đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên nội dung của Bản án sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 15/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Không chấp nhận kháng cáo của đồng nguyên đơn ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Ng, anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị Y về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Tr phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại số tiền là 2.129.652.400 đồng (hai tỷ một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm đồng).

- Về án phí: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Ng đã có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Xét thấy, nguyên đơn đều trên 60 tuổi. Do đó, họ đủ điều kiện miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa phần án phí sơ thẩm đối với họ. Căn cứ Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016: Nguyên đơn ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Ng được miễn án phí; anh Lê Văn Đ, chị Nguyễn Thị Y phải chịu 37.296.000 đồng (ba mươi bảy triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Công văn số 06/UBND ngày 05/4/2018 của Ủy ban nhân dân xã Tr không phải là quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính về xử lý vi phạm hành chính quy định tại Điều 119 Luật xử lý vi phạm hành chính và chưa có bản án, quyết định

có hiệu lực pháp luật của Tòa án tuyên Công văn này do cơ quan có thẩm quyền ban hành trái pháp luật đã gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự nên không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước. Do đó, công văn này không phải là căn cứ phát sinh hậu quả để yêu cầu bồi thường quy định tại Điều 1; khoản 1 Điều 8 Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước. Vì vậy, Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*” được quy định tại khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng pháp luật.

[1.2] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Ng, anh Lê Văn Đ, chị Nguyễn Thị Y phù hợp với các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự về chủ thể và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng ông Nguyễn Ph, ông Lê Gia H tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chứ không phải là người làm chứng, Hội đồng xét xử thấy: Những người này khi thực hiện chức trách chỉ thay mặt Ủy ban nhân dân xã Tr, nay ông Phiếu đã nghỉ hưu, ông Hòa đã chuyển công tác khác, những nội dung khởi kiện của nguyên đơn đối với Ủy ban nhân dân xã Tr đã có người đại diện theo pháp luật tham gia nên không làm phát sinh nghĩa vụ của họ tại phiên tòa nên không chấp nhận yêu cầu này.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về nội dung Công văn số 06/UBND ngày 05/4/2018 của Ủy ban nhân dân xã Tr, thấy:

Công văn số 06/UBND thể hiện: “*Ủy ban nhân dân xã Tr căn cứ cuộc họp ngày 16/3/2018 về việc giải quyết vấn đề di dời chăn nuôi vịt của gia đình ông Hương. Tại cuộc họp đã thống nhất gia đình ông H phải di dời vịt của gia đình ra khỏi khu dân cư như biên bản làm việc ngày 18/12/2015 nhưng đến nay gia đình chưa thực hiện. Vì vậy, Ủy ban nhân dân xã Tr thông báo và đề nghị gia đình ông H thực hiện di dời vịt ra khỏi địa bàn khu dân cư trước ngày 16/4/2018. Nếu không di dời Ủy ban nhân dân xã sẽ xử lý theo quy định của pháp luật*”. Như vậy, nội dung công văn này chỉ mang tính đốc thúc gia đình ông H phải thực hiện đúng tinh thần thỏa thuận tại cuộc họp ngày 18/12/2015 và 16/3/2018 về việc gia đình ông H chấp nhận di dời trại vịt ra khỏi khu dân cư. Cụm từ “*sẽ xử lý theo quy định của pháp luật*” không bao hàm nội dung áp dụng pháp luật cụ thể nào, không mang tính cưỡng chế hoặc áp dụng các biện pháp ngăn chặn buộc phải thi hành. Hộ ông Lê Văn H chăn nuôi trang trại có quy mô 1.000 con vịt đẻ, theo quy định tại Điều 52 Luật chăn nuôi 2018 thì trang trại có quy mô lớn, nên việc chăn nuôi phải được quản lý theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Nghị định 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ về hướng dẫn Luật Chăn nuôi. Do đó, Ủy ban nhân dân xã Tr ban hành thông báo số 06 là đúng với thẩm quyền, trách nhiệm được quy định tại Điều 35 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015; khoản 3 Điều 80

Luật Chăn nuôi năm 2018 và điểm đ khoản 3 Điều 9 Luật Thú y 2015 về việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tổ chức thực hiện việc kê khai hoạt động chăn nuôi trên địa bàn. Tổ chức kiểm tra hoạt động thú y, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về thú y theo thẩm quyền nhằm đảm bảo các yêu tố về môi trường và phòng chống dịch bệnh.

Mặt khác, ngày 15/01/2019 các nguyên đơn đã khởi kiện vụ án hành chính đối với Công văn số 06 của Ủy ban xã Tr về hành vi ban hành công văn trái pháp luật. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án hành chính, người khởi kiện là gia đình ông H và Ủy ban nhân dân xã Tr đã đối thoại thành với nội dung: Ủy ban nhân dân xã Tr đồng ý huỷ công văn số 06 và các nguyên đơn tiếp tục việc chăn nuôi vịt nên các người khởi kiện đã rút yêu cầu khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện T ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 01/2019/QĐST- HC ngày 14/6/2019. Nên công văn số 06 không làm phát sinh hậu quả làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[2.2]. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại:

- Về bồi thường trang thiết bị: Trong suốt quá trình khởi kiện các nguyên đơn không cung cấp được các tài liệu, hóa đơn chứng từ hợp pháp để chứng minh có thiệt hại thực tế xảy ra. Vì vậy, các nguyên đơn đã yêu cầu bồi thường trị giá các trang thiết bị bị hư hỏng phải sửa chữa với số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) trong khoảng thời gian từ ngày 07/4/2018 đến ngày 07/6/2019 là không có cơ sở nên không chấp nhận.

- Về yêu cầu bồi thường về vịt đẻ, trứng và vịt con thời gian từ 07/4/2018 đến 07/6/2019 với tổng số tiền là 2.068.652.400 đồng (hai tỷ không trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn bốn trăm đồng), Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn đã tự ý chấm dứt việc chăn nuôi đàn vịt đẻ, mặc dù không bị ai ngăn cấm hoặc bị cơ quan, tổ chức tiến hành cưỡng chế, xử lý vi phạm hành chính. Công văn số 06 của Ủy ban nhân dân xã Tr không mang nội dung bắt buộc gia đình ông H phải dừng việc chăn nuôi, mà nhắc nhở, đôn đốc nội dung ông H đã thỏa thuận về việc di dời đàn vịt ra khỏi khu dân cư nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường và phòng chống dịch bệnh tại khu dân cư theo thẩm quyền. Tại phiên tòa ông H cũng thừa nhận đã được Ủy ban nhân dân xã Tr hướng dẫn, bố trí làm trang trại vịt ở địa điểm mới phù hợp nhưng ông H không đồng ý mà mong muốn được xây dựng trang trại trong diện tích rừng phòng hộ nên yêu cầu của gia đình ông H vượt quá thẩm quyền của chính quyền địa phương cấp xã nên không được chấp nhận là đúng pháp luật.

Những yêu cầu bồi thường thực tế thiệt hại theo cách tính của nguyên đơn: Tổng số đàn vịt theo quy mô trang trại cộng số lượng trứng; lợi nhuận ấp trứng và bán vịt con trong ba tháng liền kề trước khi nguyên đơn bán trang trại vịt; cũng như giá trị bán trứng vịt thải loại và giá bán vịt thấp hơn thị trường. Hội đồng xét xử thấy

rằng cách tính này phiến diện, không đúng thực tế vì việc chăn nuôi phải tính toán việc rủi ro, dịch bệnh đối với đàn gia cầm. Mức giá thương phẩm tùy từng thời điểm khác nhau. Mặt khác, trứng và vịt con là tài sản chưa hình thành, chưa xác lập quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản trước hoặc tại thời điểm xác lập giao dịch theo quy định tại Điều 108 Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu của các nguyên đơn buộc Ủy ban nhân dân xã Tr phải bồi thường số tiền 2.068.652.400 đồng (hai tỷ không trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm đồng) do thiệt hại thực tế là không có cơ sở. Nên cấp sơ thẩm đã bác nội dung này là có cơ sở.

- Về chi phí đi lại và khoản phí dịch vụ thuê luật sư: Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn không có căn cứ pháp luật và không được chấp nhận nên các nguyên đơn phải chịu khoản tiền này như cấp sơ thẩm đã tuyên là đúng pháp luật.

[2.3]. Về án phí.

Vì yêu cầu bồi thường thiệt hại của các nguyên đơn không được chấp nhận nên cấp sơ thẩm buộc các nguyên đơn phải chịu 74.593.000 đồng (bảy mươi tư triệu năm trăm chín mươi ba ngàn đồng), chia theo phần mỗi nguyên đơn phải chịu 18.648.000 đồng (mười tám triệu sáu trăm bốn mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Ng đã xuất trình đơn yêu cầu xin miễn tiền án phí. Đây là tình huống mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm. Xét thấy ông H, bà Ng là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nên cấp phúc thẩm cần chấp nhận là có căn cứ. Nên cần sửa phần án phí sơ thẩm đối với ông H, bà Ng và họ được miễn phần án phí phúc thẩm.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Ng để sửa về án phí sơ thẩm. Ông H, bà Ng được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[3]. Về án phí, chi phí tố tụng: Anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Các nguyên đơn phải chịu 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Ng, anh Lê Văn Đ và chị

Nguyễn Thị Y, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Ng, sửa phần án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 3 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Ng, anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị Y về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Tr phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại số tiền là 2.129.652.400 đồng (hai tỷ một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn bốn trăm đồng).

2. Về án phí: Các nguyên đơn phải chịu 74.593.000 đồng (bảy mươi tư triệu năm trăm chín mươi ba ngàn đồng), chia theo phần mỗi nguyên đơn phải chịu 18.648.000 đồng (mười tám triệu sáu trăm bốn mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Ng được miễn án phí dân sự sơ thẩm 37.296.000 đồng (ba mươi bảy triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn đồng) và án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

- Buộc anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị Y mỗi người phải chịu 18.648.000 đồng (mười tám triệu sáu trăm bốn mươi tám ngàn đồng); tổng án phí dân sự sơ thẩm phải chịu là 37.296.000 đồng (ba mươi bảy triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.296.000 đồng (ba mươi bảy triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004771 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Buộc anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà các nguyên đơn đã nộp theo biên lai số 0000001 ngày 06/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Án phí anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị Y đã nộp đủ.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Ng, anh Lê Văn Đ và chị Nguyễn Thị Y phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm ngàn đồng). (Các nguyên đơn đã nộp đủ).

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND h. T;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND h. T;
- Chi cục THADS h. T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Đinh Viết Nam